UBND XÃ KỲ THƯỢNG
TRƯỜNG MN KỲ THƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 96/KH - MNKT

Kỳ Thượng, ngày 19 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2027

Căn cứ Hướng dẫn số 2943/SGDĐT-GDNNTXMN ngày 04/9/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2026-2027;

Căn cứ công văn số 4101/UBND-VHXH ngày 04/9/2026 của Ủy ban nhân dân xã Kỳ Thượng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2026-2027;

Căn cứ tình hình thực tế, Trường Mầm non Kỳ Thượng xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2026 -2027 như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

I. Thuận lợi

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Sở Giáo dục và Đào tạo, của chính quyền địa phương, sự phối kết hợp chặt chẽ và đồng thuận của cha mẹ học sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học.

Đội ngũ CB–GV–NV có phẩm chất đạo đức tốt, năng động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, gắn bó với trường lớp, có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện, nhận thức của cha mẹ học sinh về giáo dục mầm non có nhiều chuyển biến tích cực, cha mẹ quan tâm chăm lo cho con em khi đến trường lớp.

Hệ thống phòng học được xây dựng kiên cố, khang trang. Nhà trường có tương đối đầy đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Các chế độ chính sách đối với đội ngũ và người học được quan tâm hỗ trợ và thực hiện đảm bảo, kịp thời.

II. Khó khăn

Địa bàn trải rộng, trường có nhiều điểm lẻ, một số điểm trường lẻ cách xa điểm trường chính nên khó khăn trong công tác quản lý, học tập, dự giờ chia sẻ chuyên môn của giáo viên và thực hiện công tác bán trú.

Số trẻ trong từng độ tuổi ít, đa số các lớp mẫu giáo ghép là lớp ghép 2,3 độ tuổi. Khó khăn trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo chương trình giáo dục mầm non và đánh giá trẻ.

Đại đa số phụ huynh là người dân tộc thiểu số, hạn chế về kiến thức chăm sóc giáo dục, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ.

Một số điểm trường lẻ chưa trang bị đầy đủ thiết bị đồ chơi ngoài trời. Trường chính chưa được quy hoạch, mở rộng đáp ứng yêu cầu làm việc, hoạt động. Một số phòng học còn học nhờ phòng công vụ. Thiếu một số phòng chức năng, phòng phụ trợ, diện tích phòng họp và một số phòng học còn chật hẹp.

B. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2026 -2027

I. Nhiệm vụ chung

1. Thực hiện nghiêm công tác bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em; thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục mầm non (GDMN);

2. Tăng cường các nội dung giáo dục gắn với yêu cầu đột phá phát triển GDMN trên địa bàn, bảo đảm tiếp cận công bằng, bình đẳng cho trẻ em;

3. Thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục chất lượng;

4. Đảm bảo các điều kiện để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ: đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi;

5. Đổi mới quản lý, quản trị nhà trường và đẩy mạnh chuyển đổi số; cải cách hành chính; đổi mới kiểm tra, giám sát theo hướng trọng tâm, trọng điểm, dựa trên dữ liệu và tập trung vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro;

6. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trên địa bàn, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục.

II. Nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể

1. Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN

1.1. Chỉ tiêu

100% nhóm lớp xây dựng, thực hiện có hiệu quả chương trình GDMN và phát triển chương trình phù hợp độ tuổi lớp đúng độ tuổi, lớp ghép. Chất lượng kế hoạch chủ đề/tháng/tuần/ngày xếp loại tốt đạt từ 90% trở lên, còn lại là khá.

100% nhóm, lớp thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục theo hướng "lấy trẻ làm trung tâm".

100% trẻ em được đánh giá theo quy định. Trẻ nhà trẻ đạt yêu cầu các chỉ số từ 95% trở lên; trẻ mẫu giáo đạt các lĩnh vực phát triển từ 96% trở lên.

100% các nhóm, lớp bố trí môi trường giáo dục an toàn, thẩm mỹ, phù hợp với độ tuổi; khai thác, sử dụng hiệu quả thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu hiện có.

Duy trì 100% trẻ ăn ngủ tại trường. 100% các điểm trường sử dụng nguồn nước đã được cơ quan y tế kiểm định.

100% trẻ được kiểm tra sức khoẻ định kỳ và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế thế giới. Phấn đấu đến cuối năm học giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống từ 1,5% trở lên so với đầu năm học, khống

chế tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì.

100% các bếp ăn thực hiện đảm bảo an toàn thực phẩm, kiểm thực 3 bước và lưu mẫu thức ăn hằng ngày theo quy định.

100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần, không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

100% các nhóm, lớp tổ chức hoạt động giáo dục phát triển toàn diện trẻ em theo Chương trình GDMN. 100% trẻ em 5 tuổi được chuẩn bị tâm thế sẵn sàng bước vào lớp Một. Trẻ khuyết tật đến trường, lớp được chăm sóc, giáo dục theo quy định.

1.2. Biện pháp thực hiện

(1) Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Chỉ đạo sát sao công tác xây dựng kế hoạch giáo dục năm học/chủ đề/tháng/tuần/ngày của các nhóm, lớp. Kế hoạch đảm bảo việc quan tâm đến điều kiện cơ sở vật chất của trường, lớp, nhận thức của trẻ từng độ tuổi. Thực hiện nghiêm túc công tác ký duyệt kế hoạch trước khi lên lớp. Thực hiện đánh giá xếp loại chất lượng xây dựng kế hoạch theo từng tháng/chủ đề/tuần.

(2) Vận dụng sáng tạo linh hoạt phương pháp giáo dục tiên tiến tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với trẻ, văn hóa địa phương, điều kiện của nhà trường theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm, đáp ứng mục tiêu phát triển giáo dục của đơn vị, địa phương.

Tạo điều kiện để giáo viên vận dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến, đổi mới hình thức tổ chức phù hợp với điều kiện trường, lớp. Giáo viên chủ động triển khai, tổ chức các hoạt động giáo dục thông qua chơi, thực hành, trải nghiệm, phát huy tính tích cực của trẻ theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. Tổ chức chuyên đề cấp trường: ***"Đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục thông qua chơi nhằm phát triển toàn diện cho trẻ mầm non theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm".*** Thời gian thực hiện: tháng 12 năm 2026.

(3) Thực hiện tốt sinh hoạt chuyên môn cấp tổ nhằm nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN. Lựa chọn những hoạt động học, vui chơi thuộc các lĩnh vực phát triển vận động, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

(4) Thực hiện đánh giá trẻ theo quan điểm đánh giá vì sự tiến bộ của trẻ. Đánh giá thường xuyên thông qua quan sát trẻ trong các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và sinh hoạt hằng ngày. Giáo viên sử dụng linh hoạt các phương pháp quan sát, trò chuyện, phân tích sản phẩm hoạt động và trao đổi với cha mẹ trẻ; căn cứ mục tiêu, kết quả mong đợi của độ tuổi để theo dõi, ghi nhận sự phát triển của từng trẻ. Kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh kế hoạch giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động; kịp thời hỗ trợ trẻ còn hạn chế, quan tâm trẻ có nhu cầu đặc biệt, trẻ dân tộc thiểu số và trẻ có hoàn cảnh khó khăn; phối hợp chặt chẽ với cha mẹ trẻ trong theo dõi, chăm sóc và hỗ trợ sự phát triển của trẻ.

(5) Rà soát, khai thác hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, thiết bị và học liệu hiện có. Tăng cường bổ sung, sử dụng nguyên vật liệu mở, nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương để tạo học liệu phong phú, an toàn, tiết kiệm và phù hợp với trẻ.

Xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo hướng mở, an toàn, thân thiện, lấy trẻ làm trung tâm. Bố trí các góc hoạt động khoa học, thuận tiện, tạo cơ hội để trẻ được lựa chọn, trải nghiệm, khám phá, thực hành và sáng tạo. Ưu tiên không gian, góc hoạt động và sản phẩm của trẻ có giá trị để khai thác, sử dụng trong các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Phát huy hiệu quả các khu vực vườn rau, vườn cây, khu trải nghiệm, khu vận động, vườn cổ tích và môi trường thiên nhiên của địa phương. Thường xuyên thay đổi môi trường theo chủ đề, nhu cầu và hứng thú của trẻ.

Tăng cường kiểm tra, tu sửa, bảo dưỡng, mua sắm và đề xuất mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định.

(6) Thực hiện nghiêm an toàn thực phẩm theo Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 14/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm trong các cơ sở giáo dục.

Tổ chức công tác bán trú đảm bảo đủ số bữa ăn đáp ứng nhu cầu khuyến nghị, phân bố bữa ăn phù hợp với từng độ tuổi, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, thời gian tổ chức ăn cho trẻ thực hiện theo lịch sinh hoạt hằng ngày; thực hiện nghiêm quy định về VSATTP, kiểm thực 3 bước, lưu mẫu thức ăn hằng ngày, công khai bữa ăn bán trú; đảm bảo nguồn nước sạch và vệ sinh môi trường.

Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn, kịp thời chấn chỉnh những vi phạm của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. Xử lý hoặc đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật đối với các cá nhân vi phạm về ATTP và tổ chức hoạt động bán trú trong nhà trường.

Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ em cùng tham gia giám sát chất lượng tổ chức bữa ăn tại trường và công tác VSATTP. Phối với với Trạm y tế xã kiểm tra chất lượng thực phẩm bữa ăn bán trú.

Tổ chức cho trẻ uống sữa tại trường Nghị quyết số 86/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ninh đảm bảo theo quy định.

(7) Đảm bảo an toàn cho trẻ em trong nhà trường. Tăng cường quán triệt và chỉ đạo CB-GV-NV thực hiện quy định về công tác phòng chống bạo hành trẻ em. Chủ động phòng chống dịch bệnh, tai nạn thương tích, đuối nước, phòng ngừa bạo hành, xâm hại trẻ. Lồng ghép, tích hợp hiệu quả kiến thức pháp luật liên quan đến công tác bảo đảm an toàn cho trẻ em: kiến thức về đảm bảo an toàn cho trẻ trong tổ chức hoạt động học, vui chơi, ăn ngủ, vệ sinh; kỹ năng phòng, chống tai nạn, thương tích đối với trẻ em; giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an toàn cho trẻ em.

Tăng cường công tác tự kiểm tra, đánh giá tiêu chuẩn về an toàn nhằm phát hiện sớm và có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ em. Phối hợp với trạm Y tế xã, Công an xã tổ chức tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu, kỹ năng thoát hiểm, PCCC cho CB–GV–NV.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông (ATGT) nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, kiến thức, kỹ năng tham gia giao thông an toàn và ứng xử văn hóa khi tham gia giao thông cho toàn

thể CB–GV–NV, người lao động và cha mẹ trẻ.

(8) Thực hiện tốt công tác y tế trường học theo quy định Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGD ngày 12/5/2016 của Liên Bộ Y tế và Bộ GDĐT Quy định về Công tác Y tế trường học. Tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong các đề án, chương trình, kế hoạch của Chính phủ, thành phố, xã về công tác y tế trường học.

Phối hợp với ngành y tế thực hiện tốt các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em. Cân đo theo dõi sức khoẻ và đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới theo quy định: Đối với trẻ dưới 24 tháng tuổi mỗi tháng tuổi 01 lần; đối với trẻ trên 24 tháng tuổi 3 tháng 01 lần.

(9) Thực hiện tốt công tác chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào lớp Một theo yêu cầu phát triển toàn diện. Chú trọng phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội, kỹ năng tự phục vụ và khả năng thích ứng với môi trường học tập mới. Tuyệt đối không tổ chức dạy trước chương trình lớp Một cho trẻ mẫu giáo, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi dưới mọi hình thức; không gây áp lực học tập đối với trẻ. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường với trường phổ thông trên địa bàn trong hoạt động chuyển tiếp, bảo đảm tính liên thông, phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ. Phối hợp với gia đình, cộng đồng tuyên truyền, phổ biến việc trẻ được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo đúng Chương trình GDMN, bảo đảm điều kiện vào học lớp Một.

2. Tăng cường các nội dung giáo dục gắn với yêu cầu đột phá phát triển GDMN, bảo đảm tiếp cận bình đẳng

2.1. Chỉ tiêu

100% trẻ dân tộc thiểu số được chuẩn bị Tiếng việt trước khi lên lớp 1. Trẻ khuyết tật đến trường, lớp được chăm sóc, giáo dục phù hợp.

100% các nhóm lớp chuẩn bị các điều kiện làm quen với Tiếng anh đảm phù hợp lứa tuổi.

100% lớp lồng ghép nội dung "giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động" phát triển thể chất cho trẻ.

100% các nhóm lớp xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện; 100% các nhóm lớp xây dựng kế hoạch tích hợp giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho trẻ phù hợp.

100% lớp tích hợp giáo dục an toàn giao thông – Chương trình "Tôi yêu Việt Nam".

2.2. Biện pháp thực hiện

(1) Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả công tác tăng cường tiếng Việt cho trẻ em và triển khai nhân rộng mô hình tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS; nâng chất lượng tăng cường chuẩn bị tốt tiếng Việt cho trẻ em mẫu giáo trước khi vào lớp Một. Thực hiện nghiêm túc, đúng, đầy đủ chính sách đối với trẻ em và giáo viên trực tiếp dạy trẻ người DTTS.

(2) Thực hiện giáo dục hòa nhập đối với trẻ em khuyết tật và trẻ có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định. Bảo đảm chất lượng giáo dục hoà nhập trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn: xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ em; tăng cường phát hiện sớm, can thiệp sớm; tuyên truyền nâng cao nhận thức của cha mẹ trẻ và cộng đồng đối với trẻ em và trẻ khuyết tật để đảm bảo cơ hội trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; đảm bảo quyền lợi của trẻ em, giáo viên theo quy định.

(3). Chuẩn bị điều kiện từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai đối với trẻ em theo Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045. Lựa chọn nội dung bảo đảm phù hợp lứa tuổi, không tạo áp lực và không ảnh hưởng việc phát triển tiếng Việt của trẻ. Việc cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh thực hiện theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT và các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, Sở GDĐT tại những cơ sở đủ điều kiện và trên tinh thần tự nguyện của gia đình trẻ. Tham mưu bổ sung thêm phòng chức năng "làm quen với Tiếng anh" để đảm bảo cơ sở vật chất cho trẻ làm quen với Tiếng anh theo quy định.

(4) Tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thể chất phù hợp với độ tuổi, khả năng của trẻ; tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục thể chất trong các hoạt động giáo dục hằng ngày theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động vận động của trẻ; cải thiện, bổ sung môi trường vận động trong và ngoài lớp học; sử dụng hiệu quả thiết bị vận động, đồ chơi ngoài trời được trang cấp; rà soát, sửa chữa, bổ sung đồ dùng, đồ chơi, thiết bị vận động bảo đảm an toàn, phù hợp với diện tích, độ tuổi. Chú trọng tổ chức các hình thức vận động ngoài trời, trò chơi vận động dân gian, trò chơi vận động sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, cơ sở giáo dục. Tăng cường kiểm tra, giám sát của nhà trường về việc bảo đảm an toàn cho trẻ trong quá trình tổ chức các hoạt động vận động, nhất là hoạt động vận động ngoài trời.

(5) Xây dựng môi trường giáo dục mở, an toàn, thân thiện; khai thác hiệu quả không gian trong lớp, ngoài trời, thiên nhiên, chú trọng khai thác giáo dục giá trị văn hóa và nguồn lực cộng đồng phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ. Xây dựng góc văn hóa địa phương phù hợp với phong tục, tập quán của nhân dân trên địa bàn xã.

Tổ chức hoạt động trải nghiệm phù hợp với độ tuổi, mục tiêu giáo dục và điều kiện thực tế; đảm bảo an toàn, không gây áp lực đối với trẻ. Chỉ đạo giáo viên chủ động thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục gắn với cuộc sống của trẻ; tích hợp phù hợp phương thức giáo dục STEM/STEAM không tổ chức thành hoạt động giáo dục riêng.

(6). Chỉ đạo các nhóm, lớp xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa nghệ thuật, kỹ năng sống phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ trong các hoạt động giáo dục; đẩy mạnh giáo dục và làm theo lời Bác Hồ dạy trong thực hiện Chương trình GDMN phù hợp với nhận thức của trẻ từng độ tuổi; từng bước hình thành ở trẻ tình yêu thương, sự tôn trọng, tình yêu đối với

người thân trong gia đình, trường, lớp học…; giáo dục tình yêu quê hương, đất nước thông qua kế hoạch chủ đề/tháng phù hợp.

(7) Thực hiện hiệu quả Chương trình "Tôi yêu Việt Nam" và giáo dục an toàn giao thông phù hợp với điều kiện của nhà trường, độ tuổi của trẻ; phối hợp với cha mẹ trẻ thống nhất nội dung, biện pháp giáo dục an toàn giao thông cho trẻ.

3. Thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; duy trì vững chắc kết quả và tiếp tục nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5-6 tuổi

3.1. Chỉ tiêu

Duy trì xã đạt chuẩn Phổ cập GDMNCTENT năm 2026. Chuẩn bị các điều kiện tiến tới phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi.

Huy động 100% trẻ mẫu giáo trên địa bàn ra lớp, giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng trẻ 5 tuổi cuối năm học dưới 3%, trẻ dưới 5 tuổi dưới 5%. 100% trẻ em 3-5 tuổi đi học đảm bảo chuyên cần từ 93% trở lên; 100% các lớp đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu; 100% các lớp được bố trí đủ giáo viên theo quy định, giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo; 100% trẻ em 3-5 tuổi và đội ngũ thực hiện phổ cập trẻ em 3-5 tuổi được đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách theo quy định.

3.2. Biện pháp thực hiện

(1) Tổ chức triển khai thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo quy định của Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND xã Kỳ Thượng về phổ cập cho trẻ em từ 3-5 tuổi.

Chủ động tham mưu với UBND xã trong công tác chuẩn bị các điều kiện để thực hiện Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3-5 tuổi. Tập trung rà soát, cập nhật chính xác số liệu trẻ 3-5 tuổi trên địa bàn, đánh giá tình hình huy động trẻ ra lớp trong nhà trường; lập hồ sơ quản lý và nhập dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. Tham mưu cho UBND cấp xã triển khai và hoàn thành đúng tiến độ, lộ trình đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi của địa phương.

Huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi ra lớp đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch; thường xuyên rà soát, cập nhật số liệu, nắm rõ nguyên nhân trẻ chưa ra lớp để có biện pháp huy động phù hợp. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động cha mẹ, người chăm sóc trẻ đưa trẻ ra lớp; duy trì tỷ lệ trẻ đến trường, nâng cao tỷ lệ chuyên cần, đặc biệt ưu tiên tạo điều kiện cho trẻ khuyết tật, trẻ dân tộc thiểu số, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được tiếp cận GDMN. Tổ chức triển khai Chương trình GDMN đúng quy định, bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Tổ chức rà soát, tham mưu sửa chữa các phòng học, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ; mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu cho các lớp mẫu giáo 3-5 tuổi.

Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3-5 tuổi và đội ngũ theo quy định Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày

20/10/2025 của Chính phủ; thực hiện các chính sách phát triển GDMN của trung ương và thành phố: Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển GDMN; Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về Chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo...

Phân công giáo viên dạy các lớp mẫu giáo 3-5 tuổi đảm bảo đủ số lượng, đạt trình độ chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ.

(2) Tiếp tục tham mưu duy trì vững chắc phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP, Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, UBND thành phố, Sở GD&ĐT Quảng Ninh. Chỉ đạo rà soát, kiểm tra, đánh giá thực trạng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn; xác định các tiêu chí đã đạt chuẩn, các tiêu chí còn hạn chế để xây dựng biện pháp thực hiện, đảm bảo đạt chuẩn PCGDMNCTE 5 tuổi.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành mới kế hoạch thực hiện phổ cập GDMN 5 tuổi từ năm 2027, bảo đảm duy trì bền vững kết quả đã đạt chuẩn, đồng thời từng bước nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 5 tuổi. Phối hợp với các ban ngành, các trường trên địa bàn xã thực hiện tốt công tác điều tra phổ cập và tiến hành tự kiểm tra theo quy định. Ưu tiên các nguồn lực, chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp để duy trì vững chắc đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập GDMNCTENT; phấn đấu nâng cao chất lượng phổ cập GDMNCTENT trên địa bàn, phối hợp cùng phụ huynh chăm sóc nuôi dưỡng trẻ giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng; tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện đúng quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập GDMNCTENT trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

Cập nhật đầy đủ dữ liệu năm 2026 theo phân công trên hệ thống thông tin điện tử quản lý PCGD, XMC. Phân công điều tra, cập nhật đảm bảo sự thống nhất, tính chính xác với số liệu tại cơ sở dữ liệu ngành và các báo cáo thống kê theo quy định tại cùng một thời điểm báo cáo và cùng một thông tin số liệu.

4. Bảo đảm đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi; bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; sắp xếp mạng lưới trường, lớp, điểm trường phù hợp, ổn định

4.1. Bảo đảm đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân sự hỗ trợ giáo dục

4.1.1. Thực trạng đội ngũ

Tổng số CB-GV-NV trong trường: 80 (Trong đó biên chế 58, hợp đồng 22). Biên chế chia ra: 09 CBQL, 46 Giáo viên, 03 nhân viên; Hợp đồng 22; hợp đồng trường 22: 12 bảo vệ, 10 cấp dưỡng).

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối với CB-GV-NV trong biên chế: Tổng số 58, trong đó:

- Thạc sỹ (QLGD) 02;

- Đại học 55;

- Cao đẳng 02;

- Trung cấp 01 (y sỹ đa khoa).

Trình độ đạt chuẩn trở lên 58/58=100%, trong đó trên chuẩn 55/58 = 94,8%, đạt chuẩn 03/58 chiếm 5,2%.

4.1.2. Chỉ tiêu

Đảm đảo số lượng giáo viên/nhóm, lớp theo quy định. 100% CB-GV-NV được thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách theo quy định hiện hành.

100% CB-GV-NV không vi phạm đạo đức nhà giáo, chấp hành nghiêm túc kỷ luật lao động, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ. 98% CB-GV-NV đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo.

Phấn đấu 100 CBQL, GVMN được bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề trong năm học. 100% hoàn thành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên.

4.1.3. Biện pháp thực hiện

(1) Thực hiện rà soát, xác định nhu cầu đội ngũ theo vị trí việc làm, quy mô trẻ, nhóm, lớp; chủ động đề xuất cấp có thẩm quyền bổ sung, bố trí, điều động đội ngũ đảm bảo định mức theo quy định.

(2) Bố trí, phân công, sử dụng đội ngũ đúng quy định, phù hợp với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực công tác. Đảm bố trí đủ giáo viên thực hiện Chương trình GDMN. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với đội ngũ theo quy định hiện hành. Tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền các chính sách thu hút GVMN. Ưu đãi, tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với những nhà giáo tiêu biểu, có đóng góp tích cực hoặc có thành tích đột xuất trong công tác GDMN.

(3) Tăng cường hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục nhằm nâng cao đạo đức nhà giáo, trách nhiệm nghề nghiệp, tình yêu thương trẻ và đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN; chú trọng phát triển năng lực về đổi mới phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, giáo dục hòa nhập, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số và nâng cao năng lực quản trị nhà trường. Tạo điều kiện cho CB-GV-NV tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị.

(4) Tiếp tục tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức nhà giáo, trách nhiệm nghề nghiệp, tình yêu thương trẻ; đối xử công bằng và tôn trọng trẻ em, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em trong nhà trường.

(5) Cử CBQL, giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn các cấp; kịp thời phản ánh khó khăn, đề xuất nội dung cần hỗ trợ, tư vấn trong quá trình triển khai thực hiện. Chỉ đạo học tập hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhà trường. Tham gia tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng thực hiện chương trình giáo dục mầm non do cấp trên tổ chức.

(6) Phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán trong hỗ trợ chuyên môn; tổ chức sinh hoạt chuyên môn bảo đảm thiết thực, bám sát Chương trình GDMN, nhiệm vụ năm học và nhu cầu phát triển nghề nghiệp.

4.2. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và học liệu; trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

4.2.1. Chỉ tiêu

100% nhóm lớp được xây dựng kiên cố, đảm bảo yêu cầu 01 phòng học/nhóm, lớp.

100% nhóm, lớp đủ đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định và sử dụng hiệu quả. 100% giáo viên đủ tài liệu, đồ dùng dạy học theo danh mục thiết bị GDMN tối thiểu, theo Chương trình GDMN.

100% giáo viên các nhóm lớp khai thác, sử dụng hiệu quả thiết bị đồ dùng, đồ chơi được trang cấp và xây dựng môi trường đảm bảo nguyên vật liệu mở cho trẻ hoạt động.

Duy trì vững chắc các điều kiện tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

4.2.2. Biện pháp thực hiện

(1) Tiếp tục rà soát thực trạng CSVC đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở GDMN và phổ thông để công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia.

(2) Rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất. Tham mưu cải tạo, nâng cấp, quy hoạch, xây dựng trường, lớp bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định. Rà soát thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, học liệu; chủ động đề xuất bổ sung, sửa chữa, thay thế những hạng mục, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi còn thiếu, xuống cấp, bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN, yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và bảo đảm tiếp cận cho trẻ khuyết tật.

(3) Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi và học liệu; thực hiện công khai, minh bạch việc huy động, sử dụng các nguồn lực xã hội hóa; bảo đảm an toàn, bền vững, tránh lãng phí, thất thoát; bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu theo quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

(4) Tham mưu xây dựng, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất, chuẩn bị các điều kiện đảm bảo trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

Thực hiện tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định; sử dụng kết quả đánh giá để nâng cao cải tiến chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, bảo đảm sự đồng đều giữa trường chính và các phân hiệu, điểm trường.

Thường xuyên rà soát, củng cố, duy trì và nâng cao các tiêu chuẩn, phù hợp

với mô hình tổ chức sau sắp xếp.

4.3. Phát triển mạng lưới trường, lớp

4.3.1. Quy mô phát triển mạng lưới trường lớp so với kế hoạch

- Tổng số: 28/28 nhóm lớp đạt 100% (Trong đó 11 nhóm trẻ; 17 lớp mẫu giáo).

- Học sinh: Tổng số trẻ ra lớp thời điểm tháng 10/2026 là 475/486 trẻ, đạt 97,7% KH. Trong đó: nhà trẻ 149/160 đạt 93,1% KH; mẫu giáo 326/326 đạt 100% KH. Riêng trẻ 5 tuổi ra lớp học tại trường 94/94 trẻ đạt 100%. (Trong đó: 92 trẻ tại địa bàn xã học tại xã; 02 trẻ nơi khác đến học trái tuyến tại trường).

4.3.2. Tăng tỷ lệ huy động trẻ ra lớp và tổ chức nhóm, lớp

** Chỉ tiêu*

Phấn đấu huy động trẻ từ 0 - 5 tuổi ra lớp đạt từ 80% trở lên (nhà trẻ đạt từ 50% trở lên; mẫu giáo đạt 100%).

100% trẻ học 2 buổi/ngày; 100% ăn bán trú; tỷ lệ chuyên cần đạt từ 95% trở lên đối với trẻ 5 tuổi, 93% đối với trẻ 3-5 tuổi; 90% trở lên đối trẻ nhà trẻ.

Huy động 100% trẻ 3,4,5 tuổi ra lớp; Huy động tối đa trẻ khuyết tật trong độ tuổi ra lớp.

** Biện pháp thực hiện*

(1) Rà soát quy mô trường, lớp, trẻ em tại các phân hiệu, điểm trường, đề xuất phương án sắp xếp phù hợp, bảo đảm an toàn, thuận lợi cho trẻ và chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; kịp thời báo cáo những khó khăn, bất cập phát sinh trong quá trình vận hành cơ sở GDMN.

(2) Xây dựng kế hoạch phát triển trường, lớp phù hợp với tình hình thực tế học sinh ở thôn tại các điểm trường. Sắp xếp học sinh vào các nhóm, lớp đảm bảo theo quy định.

Tổ chức tốt ngày toàn dân đưa trẻ đến trường; thường xuyên giữ mối liên hệ với các ban ngành đoàn thể, trưởng thôn trên địa bàn xã để phối hợp tuyên truyền, vận động trẻ ra lớp đặc biệt trẻ 5 tuổi, trẻ có hoàn cảnh khó khăn; Duy trì các nhóm lớp học 2 buổi/ngày và ăn ngủ bán trú.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cha mẹ trẻ trong việc huy động trẻ đến trường, lớp mầm non đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ năm học.

5. Đổi mới quản lý GDMN, quản trị nhà trường và đẩy mạnh chuyển đổi số; cải cách hành chính; đổi mới kiểm tra, giám sát

5.1. Cải cách hành chính

5.1.1. Chỉ tiêu

100% hồ sơ, sổ sách quản lý và hồ sơ chuyên môn được sắp xếp khoa học, tinh gọn; từ học kỳ I năm học 2026-2027 không phát sinh hồ sơ ngoài quy định của Bộ GDĐT và cơ quan có thẩm quyền. 100% hồ sơ của CB-GV-NV được thực hiện đủ, đúng quy định.

5.1.2. Biện pháp thực hiện

(1) Rà soát, chuẩn hóa danh mục hồ sơ quản lý và hồ sơ chuyên môn, bảo đảm đúng quy định, tránh trùng lặp, phát sinh hồ sơ, giấy tờ không cần thiết.

(2) Phân công rõ trách nhiệm cho từng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động trong việc xây dựng, cập nhật, kiểm tra và lưu trữ hồ sơ. Thực hiện đánh giá chất lượng hồ sơ định kỳ hàng tháng/quý/năm.

(3) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, số hóa hồ sơ phù hợp, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin. Ưu tiên sử dụng hồ sơ điện tử, dữ liệu số trong quản lý, điều hành và báo cáo; giảm thời gian dành cho công việc hành chính để tập trung cho hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

(4) Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, hỗ trợ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện đúng quy định, chú trọng chất lượng và tính thực tiễn của hồ sơ. Tập huấn, bồi dưỡng công tác thực hiện hồ sơ, sổ sách, nâng cao hiệu quả, chất lượng sử dụng hồ sơ.

(5) Thực hiện lưu trữ khoa học, thuận tiện tra cứu, khai thác và sử dụng; định kỳ đánh giá, điều chỉnh, kịp thời khắc phục hạn chế. Qua đó, giảm áp lực hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ trong nhà trường.

5.2. Đổi mới quản lý, quản trị cơ sở GDMN; nâng cao vai trò người đứng đầu

5.2.1. Chỉ tiêu

Tự chủ trong công tác sắp xếp, bố trí nhân sự, đánh giá, bồi dưỡng đội ngũ. Đảm bảo dân chủ trong GDMN; 100% các nội dung công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT trong nhà trường được thực hiện.

5.2.2. Biện pháp thực hiện

(1) Đổi mới quản trị cơ sở GDMN theo hướng tăng quyền chủ động, phân cấp gắn với trách nhiệm, lấy chất lượng và kết quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo. Đổi mới công tác quản lý, quản trị theo hướng dân chủ, khoa học, công khai, minh bạch, lấy chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ làm trung tâm.

(2) Sử dụng hiệu quả đội ngũ, cơ sở vật chất, tài chính và các nguồn lực được giao.

(3) Nâng cao trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu trong tổ chức, điều hành, phân công, đánh giá và phát triển đội ngũ; quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền và chịu trách nhiệm về chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; phân công nhiệm vụ rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian hoàn thành; tăng cường phối hợp giữa Ban lãnh đạo, các tổ chuyên môn và các đoàn thể trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ; thực hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng và cha mẹ trẻ.

(4) Thực hiện tự chủ đi đôi với trách nhiệm giải trình; công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng các nguồn lực; chủ động phát hiện, xử lý hoặc đề xuất xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc.

(5) Tăng cường tự kiểm tra, tự đánh giá, cải tiến chất lượng; khắc phục tình trạng quản lý hình thức, nặng về hồ sơ, chú trọng thực chất và hiệu quả hoạt động của cơ sở GDMN.

(6) Thực hiện quy chế dân chủ trong quản lý các hoạt động theo quy định, triển khai thực hiện, giám sát, sử dụng các nguồn lực để tổ chức các hoạt của nhà trường; bảo đảm đầy đủ, kịp thời quy định về công khai mục tiêu chất lượng giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

5.3. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng CNTT và trí tuệ nhân tạo

5.3.1. Chỉ tiêu

100% CB-GV-NV biết khai thác, sử dụng có hiệu quả các phần mềm ứng dụng phục vụ trong công tác quản lý, chuyên môn. Phấn đấu mỗi giáo viên có từ 03 giáo án UDCNTT/chủ đề.

100% CB-GV-NV sử dụng hiệu quả nền tảng số, cổng thông tin điện tử trong quản trị nhà trường.

100% các nhóm lớp sử dụng hiệu quả zalo nhóm lớp hỗ trợ tuyên tuyền và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

5.3.2. Biện pháp thực hiện

(1) Cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời dữ liệu về trẻ em, đội ngũ, cơ sở vật chất, phổ cập GDMN và các dữ liệu theo yêu cầu trên hệ thống dùng chung, bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống"; khai thác dữ liệu phục vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và đánh giá kết quả hoạt động của cơ sở GDMN. Thực hiện nguyên tắc "một lần cập nhật dữ liệu, nhiều lần khai thác", hạn chế yêu cầu giáo viên cung cấp lại thông tin đã có.

(2) Tích cực chuẩn bị hạ tầng, thiết bị, nhân lực và quy trình để tiếp tục thực hiện tuyển sinh trực tuyến theo lộ trình; bảo đảm thuận lợi cho cha mẹ trẻ trong thực hiện thủ tục tuyển sinh.

(3) Tổ chức bồi dưỡng, tự bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng sử dụng CNTT và trí tuệ nhân tạo cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; khuyến khích khai thác, sử dụng các công cụ số và AI phù hợp trong quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; thực hiện nghiêm các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ và gia đình. Khuyến khích đội ngũ tự học tập bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ ứng dụng CNTT trong tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho trẻ em, trong đó đặc biệt quan tâm công tác bồi dưỡng năng lực số hoá tài liệu, học liệu và nội dung giáo dục, khả năng chủ động tham gia các khoá bồi dưỡng, tập huấn online của giáo viên.

(4) Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác truyền thông, tăng cường kết nối, phối hợp với phụ huynh và cộng đồng, bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả. Thực hiện tự đánh giá mức độ chuyển đổi số tại đơn vị theo theo Quyết

định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 và hướng dẫn của Sở GDĐT.

5.4. Kiểm tra, giám sát, tiếp nhận và xử lý phản ánh

5.4.1. Chỉ tiêu

100% CB-GV-NV được kiểm tra, giám sát trong năm học.

5.4.2. Biện pháp thực hiện

(1) Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát trên cơ sở đa dạng hình thức kiểm tra. Chủ động phát hiện, khắc phục kịp thời các tồn tại, nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn và chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Các nội dung tập trung kiểm tra, giám sát trọng tâm trong năm học: việc thực hiện nhiệm vụ được giao của cán bộ quản lý; kiểm tra thực hiện nhiệm vụ của giáo viên; kiểm tra hoạt động của các tổ, khối chuyên môn, các bộ phận tài chính, văn thư; thực hiện hoạt động của bộ phận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ; tự kiểm tra công tác quản lý của Hiệu trưởng; kiểm tra theo các chuyên đề; giám sát nề nếp dạy và học, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em, các hoạt động và các nội dung khác theo chỉ đạo của ngành, của xã, các nhiệm vụ mới phát sinh triển khai nhiệm vụ trong năm học.

(2) Tiếp nhận, xử lý kịp thời, đúng thẩm quyền các phản ánh, kiến nghị của cha mẹ trẻ và các tổ chức, cá nhân có liên quan; công khai, minh bạch kết quả xử lý theo quy định.

(3) Phát huy sự tham gia giám sát của cha mẹ trẻ, gắn trách nhiệm của người đứng đầu và cá nhân với kết quả thực hiện, chất lượng và an toàn trong các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

6. Phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội và công tác truyền thông

6.1. Chỉ tiêu

100% các nhóm lớp xây dựng góc tuyên truyền với nội dung phù hợp. Trong năm học tổ chức ít nhất 02 lượt tuyên truyền về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đối với cha mẹ trẻ và cộng đồng.

6.2. Biện pháp thực hiện

(1) Tăng cường phối chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo đảm an toàn, quyền của trẻ. Duy trì trao đổi thường xuyên với cha mẹ trẻ về sức khỏe, sự phát triển, chăm sóc, giáo dục và an toàn của trẻ. Tiếp nhận và phản hồi kịp thời thông tin liên quan đến trẻ. Hình thức trao đổi thông tin: trực tiếp trong thời gian đón trả trẻ, trao đổi thông tin trên nhóm zalo của nhóm, lớp, trao đổi thông tin bằng bài viết, bài tuyên truyền hàng tháng, trao đổi thông tin thông qua góc tuyên truyền tại nhóm, lớp.

(2) Xây dựng kế hoạch, quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình, cộng đồng thực hiện chế độ sinh hoạt, chăm sóc, nuôi dưỡng; thống nhất biện pháp chăm sóc, giáo dục trẻ, bảo đảm thực hiện mục tiêu Chương trình GDMN.

(3) Tổ chức xây dựng phiếu lấy ý kiến khảo sát đánh giá sự hài lòng của cha mẹ trẻ đối với dịch vụ giáo dục trong trường, nắm bắt tình hình và cải tiến công tác

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng sự hài lòng của người dân về các dịch vụ GDMN.

(4) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đối với cha mẹ trẻ và cộng đồng trên các trang facebook, cổng thông tin điện tử nhà trường để nâng cao nhận thức, sự tiếp cận của cha mẹ trẻ và cộng đồng đối với GDMN.

(5) Chủ động huy động, tiếp nhận và sử dụng các nguồn lực xã hội hóa đúng quy định, tự nguyện, công khai, minh bạch, đúng mục đích, thiết thực và hiệu quả.

7. Công tác thi đua khen thưởng và triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua

7.1. Chỉ tiêu

- Danh hiệu tập thể:

+ Tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc. Tặng Giấy khen của UBND xã.

+ Chi đoàn trường đạt vững mạnh xuất sắc. Giấy khen của UBND xã.

- Danh hiệu cá nhân: Phấn đấu 90% trở lên cá nhân đạt danh hiệu LĐTT. 10% trở lên cá nhân đạt Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. 20% cá nhân đạt Giấy khen của UBND xã, 02 Bằng khen của UBND Tỉnh, 01 giấy khen của Sở GD&ĐT.

+ 100% CB-GV-NV tham gia đầy đủ các cuộc vận động, các phong trào thi đua, các cuộc thi viết, cuộc thi trực tuyến do các cấp phát động.

7.2. Biện pháp thực hiện

(1) Thực hiện nghiêm túc các văn bản hướng dẫn hiện hành về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành GD&ĐT.

(2) Kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Ban chỉ đạo thực hiện các cuộc vận động và các phong trào thi đua của nhà trường năm học 2026-2027; xây dựng quy chế Thi đua- Khen thưởng, kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng, kế hoạch thực hiện các phong trào thi đua của nhà trường và triển khai thực hiện hiệu quả.

(3) Đầu năm học thực hiện ký cam kết thi đua với các tổ chức trong nhà trường.

(4) Tiếp tục phát động và tổ chức các phong trào thi đua phù hợp với thực tiễn địa phương. Phát động các đợt thi đua cao điểm kỷ niệm chào mừng các ngày lễ lớn trong năm: Ngày 20/11; 22/12…

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Đối với nhà trường

Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2027 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương và triển khai thực hiện. Tổ chức quán triệt, phổ biến, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ đối với đội ngũ CB-GV-NV và người lao động trong toàn trường.

Phân công CB-GV-NV phụ trách cụ thể các nội dung kế hoạch để đảm bảo thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả. Báo cáo khó khăn, vướng mắc báo cáo trong quá

trình triển khai thực hiện về UBND xã (qua phòng VH-XH) để được hướng dẫn.

II. Đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động

Căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2027 của nhà trường, các phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, giáo viên, nhân viên trong nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đúng tiến độ.

Trên đây là kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2027 của Trường Mầm non Kỳ Thượng. Căn cứ kế hoạch của nhà trường, đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên triển khai thực hiện có hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo về nhà trường để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- UBND xã (B/c);
- Phòng VH-XH (b/c);
- BGH nhà trường (C/đ);
- CBGVNV (T/h);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hoàn